

Ngày soạn: 04/09/2023

Tiết PPC:1,2

**BÀI 1. SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC
CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân; cơ cấu kinh tế và chỉ số HDI.
- Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.
- Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về KT-XH của các nhóm nước.
- Thu thập được tư liệu về KT-XH của một số nước từ các nguồn khác nhau.

2. Năng lực:

- Năng lực chung:

- + Giao tiếp và hợp tác: Có kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả.
- + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện ra vấn đề, đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với vấn đề.

- Năng lực đặc thù :

- + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Đọc được bản đồ để xác định được một số nước phát triển và đang phát triển.
- + Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, bản đồ, tranh ảnh...), khai thác internet trong học tập.
- + Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng địa lí đã học: Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập.
- Yêu nước: Bồi dưỡng lòng yêu nước để trở thành một công dân tốt, có tinh thần phát triển đất nước trong tương lai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

Ngày dạy	Lớp	Sĩ số	Ghi chú

2. Kiểm tra bài cũ: Không kiểm tra.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

- a) **Mục tiêu:** HS hình dung được những nét chính sự phân chia thế giới thành các nhóm nước.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, kiến thức hiểu biết của bản thân.
- c) **Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

Kể tên được các quốc gia:

- Liên bang Nga.
- Nhật Bản.
- Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.
- Cộng hòa Liên bang Đức.
- Ô – xtrây – li – a
- Braxin.
- Ấn Độ.
- Cộng hòa Nam Phi.
- Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.
- Thái Lan.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết cá nhân hãy kể tên các quốc gia thông qua hình ảnh về lá quốc kì?
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về các nhóm nước

- a) **Mục tiêu:** Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân; cơ cấu kinh tế và chỉ số HDI.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. Sự phân chia thành các nhóm nước

- Trên thế giới hiện nay có > 200 quốc gia và vùng lãnh thổ.
- Theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội, các nước trên thế giới phân chia thành nước phát triển và nước đang phát triển dựa trên các chỉ tiêu chủ yếu là tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GN1/người), cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người (HDI).
 - + GNI/người được tính bằng cách lấy tổng thu nhập quốc gia chia cho số dân của một nước. Dựa trên chỉ tiêu này. Ngân hàng Thế giới phân chia các nước thành nước có thu nhập cao, nước có thu nhập trung bình cao, nước có thu nhập trung bình thấp và nước có thu nhập thấp.
 - + Cơ cấu kinh tế là tập hợp các ngành, lĩnh vực và bộ phận kinh tế có quan hệ hữu cơ tương đối ổn có thu nhập trung bình cao, từ định với nhau trong đó quan trọng nhất là cơ cấu ngành kinh tế. Cơ cấu kinh tế theo ngành bao gồm: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp và xây dựng; dịch vụ.
 - + HDI là thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển của con người trên các phương diện: sức khỏe, học vấn và thu nhập. Dựa vào chỉ tiêu này, Liên hợp quốc phân chia các nước thành

nước có HDI rất cao (từ 0,800 trở lên), cao (từ 0,700 đến dưới 0,800), trung bình (từ 0,550 đến dưới 0,700) và thấp (dưới 0,550).

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK, bảng số liệu 1.1, kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm cặp để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1, 3: Dựa vào nội dung mục I Tìm hiểu các tiêu chí phân chia các nhóm nước.

+ Nhóm 2, 4: Dựa vào bảng 1.1 Tìm hiểu sự khác biệt của các nhóm nước về GNI/người, Cơ cấu kinh tế và HDI.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về sự khác biệt về kinh tế - xã hội của các nhóm nước

a) Mục tiêu:

- Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.

- Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về KT-XH của các nhóm nước.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, bảng số liệu để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước.

1. Về kinh tế:

- Các nước phát triển:

+ Quy mô GDP lớn và tốc độ tăng trưởng GDP khi ổn định.

+ Trong cơ cấu kinh tế thì ngành dịch vụ có đóng góp nhiều nhất trong GDP

+ Hiện nay, các nước phát triển đang tập trung vào đổi mới và phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học - công nghệ và trí thức cao.

- Các nước đang phát triển:

+ Quy mô GDP trung bình và thấp nhưng tốc độ tăng trưởng GDP khá cao.

+ Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá – hiện đại hoá với tỉ trọng các ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ có xu hướng tăng.

+ Một số nước đang phát triển bắt đầu chú trọng phát triển các lĩnh vực có hàm lượng khoa học - công nghệ và trí thức cao.

2. Về xã hội:

- Các nước phát triển

+ Có tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số thấp, cơ cấu dân số già.

+ Quá trình đô thị hóa sớm, tỉ lệ dân thành thị cao, cơ sở hạ tầng khá hiện đại và đồng bộ.

+ Chất lượng cuộc sống, tuổi thọ trung bình và số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên cao.

+ Các dịch vụ y tế, giáo dục có chất lượng tốt.

- Các nước đang phát triển:

+ Có tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số đang có xu hướng giảm nhưng ở một số quốc gia vẫn còn cao.

+ Phần lớn các nước đang phát triển có cơ cấu dân số trẻ và đang có xu hướng già hoá.

+ Tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh, song tỉ lệ dân thành thị chưa cao.

+ Chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao, trung bình và thấp; tuổi thọ trung bình và số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên đang tăng dần.

+ Các dịch vụ y tế, giáo dục đang dần được cải thiện.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1, 3: Dựa vào nội dung mục II và bảng 1.2 (trang 7) Tìm hiểu sự khác biệt của các nhóm nước về kinh tế theo phiếu học tập số 1.

+ Nhóm 2, 4: Dựa vào nội dung mục II và bảng 1.3 (trang 8) Tìm hiểu sự khác biệt của các nhóm nước về xã hội theo phiếu học tập số 2.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

Câu hỏi 1: Để phân biệt các nhóm nước, thường dựa vào những tiêu chí nào để phân chia?

A. GDP/người, cơ cấu kinh tế, HDI.

B. GDP/người, cơ cấu kinh tế, giáo dục.

C. GNI/người, cơ cấu kinh tế, HDI.

D. GNI/người, cơ cấu kinh tế, y tế.

Câu hỏi 2: Trong cơ cấu kinh tế ở nhóm Các nước phát triển thì ngành chiếm tỉ trọng cao nhất là?

A. Dịch vụ.

B. Công nghiệp.

C. Nông nghiệp.

D. Ngư nghiệp.

Câu hỏi 3: Nhóm các nước đang phát triển thường có quy mô GDP như thế nào?

A. Lớn.

B. Trung bình cao.

C. Trung bình và thấp.

D. Thấp

Câu hỏi 4: Ở các nước phát triển thường có cơ cấu dân số như thế nào?

A. Cơ cấu dân số trẻ.

B. Cơ cấu dân số già.

C. Dân số đang già hóa.

D. Dân số đang tăng nhanh.

Câu hỏi 5: Chỉ số GNI/người ở nhóm các nước phát triển luôn ở mức

A. thu nhập cao.

B. trung bình cao.

C. trung bình thấp.

D. thu nhập thấp.

Câu hỏi 6: Dựa vào hình 1.1, hãy cho biết khu vực nào trên Thế giới có nhiều quốc gia có chỉ số HDI ở mức thấp?

A. Châu Âu.

B. Châu Mỹ.

C. Châu Á.

D. Châu Phi

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS tham trò chơi “Lật mảnh ghép” với yêu cầu Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, hãy lật các mảnh ghép bằng cách trả lời các câu hỏi sau đây.
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi và tìm đáp án.
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan và đưa ra thông điệp: “*Vì một thế giới bình đẳng –hiện đại – văn minh*”

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để thu thập được tư liệu về KT-XH của một số nước từ các nguồn khác nhau.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

* Câu hỏi: *Dựa vào nội dung đã học và hiểu biết của bản thân, hãy Sưu tầm một số thông tin về kinh tế – xã hội của một nước phát triển hoặc đang phát triển mà em quan tâm.*

* Trả lời câu hỏi:

- Chỉ số về kinh tế.
- Chỉ số về xã hội

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng thông điệp được mở ra, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 2: Toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.

Ngày soạn: 07/09/2023

Tiết PPC:3,4

BÀI 2. TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế, phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.
- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế; phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.
- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)...
- Tìm hiểu lý do hình thành các tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

2. Năng lực:

- Năng lực chung:

- + Giao tiếp và hợp tác: Có kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả.
- + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện ra vấn đề, đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với vấn đề.

- Năng lực đặc thù :

- + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Đọc được bản đồ để xác định được một số nước đang phát triển trong quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.
- + Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, bản đồ, tranh ảnh...), khai thác internet trong học tập.
- + Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng địa lí đã học: Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập.
- Yêu nước: Bồi dưỡng lòng yêu nước để trở thành một công dân tốt, có tinh thần phát triển đất nước trong tương lai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, Atlas, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định:

Ngày dạy	Lớp	Sĩ số	Ghi chú

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** Giúp cho HS gợi nhớ lại các tổ chức khu vực và quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Rèn luyện kỹ năng phân tích, suy luận để thấy được tầm quan trọng của việc tham gia các liên kết trên thế giới. Tìm ra những nội dung HS chưa biết, để từ đó bổ sung và khắc sâu những kiến thức của bài học cho HS.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS dựa vào hiểu biết cá nhân và kiến thức đã học hãy cho biết hiện nay Việt Nam là thành viên của các tổ chức kinh tế nào? Vì sao chúng ta phải tham gia vào các tổ chức kinh tế đó?

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về toàn cầu hoá kinh tế

Hoạt động 2.1.1: Tìm hiểu về khái niệm và biểu hiện toàn cầu hoá kinh tế

a) **Mục tiêu:** HS trình bày được khái niệm và biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. Toàn cầu hoá kinh tế.

Toàn cầu hoá là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt từ kinh tế đến văn hoá, khoa học,... Trong đó toàn cầu hoá kinh tế có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của nền KT - XH thế giới.

1. Biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế.

- Các dòng hàng hoá – dịch vụ, vốn, lao động và tri thức ngày càng được tự do dịch chuyển. Trong quá trình toàn cầu hoá kinh tế, các nước kí kết và tham gia vào nhiều Hiệp định hợp tác song phương và đa phương.

- Các giao dịch quốc tế về thương mại, đầu tư và tài chính tăng nhanh. Nhiều hình thức thương mại và đầu tư mới xuất hiện như thương mại điện tử, đầu tư phát triển bền vững...

- Hình thành và phát triển các tổ chức kinh tế toàn cầu như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB). Các tổ chức này có vai trò

ngày càng quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế toàn cầu và đời sống kinh tế – xã hội của các quốc gia.

- Các công ty đa quốc gia có vai trò quan trọng: Các công ty đa quốc gia ngày càng mở rộng về phạm vi hoạt động và liên kết thành một mạng lưới sản xuất, kinh doanh toàn cầu.

- Các tiêu chuẩn toàn cầu được áp dụng ngày càng rộng rãi trong quá trình sản xuất kinh doanh: Trong quá trình toàn cầu hoá, nhiều nước cùng tham gia quá trình sản xuất một sản phẩm. Chính vì vậy, các tiêu chuẩn sản xuất ngày càng được thống nhất và áp dụng rộng rãi trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu cả lớp hoàn thiện khái niệm toàn cầu hóa bằng cách điền thông tin thích hợp.

+ Nhiệm vụ 2: GV yêu cầu cặp đôi liệt kê các biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế

+ Nhiệm vụ 3: GV chia lớp thành 5 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với hiểu biết của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành các yêu cầu sau:

🎲 Yêu cầu 1: Mỗi nhóm thực hiện trò chơi “Kết nối biểu hiện” toàn cầu hóa kinh tế. Nhóm nào kết nối đúng, nhanh là nhóm giành chiến thắng.

🎲 Yêu cầu 2: Trên cơ sở các biểu hiện đã kết nối, các nhóm hãy tìm ví dụ về mỗi biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế.

🎲 Yêu cầu 3: Các nhóm nhận xét chéo phần việc của nhóm bạn

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Cả lớp thực hiện nhiệm vụ 1 và 2 theo yêu cầu của giáo viên.

+ Nhiệm vụ 3: Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên. HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian quy định.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV gọi 2 đến 4 em báo cáo nhiệm vụ 1 và 2.

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận nhiệm vụ 3: nội dung các biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế.

+ Các thành viên nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.1.2: Tìm hiểu về hệ quả và ảnh hưởng toàn cầu hoá kinh tế

a) Mục tiêu: HS trình bày được hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế, phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế.

Tác động tích cực:

- Tăng cường chuyên môn hoá và hợp tác hoá trong sản xuất, thúc đẩy phân công lao động, qua đó, lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ.

- Tạo ra sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, công nghệ và tri thức. Hình thành và phát triển các mạng lưới, chuỗi liên kết toàn cầu nhằm tận dụng tối đa lợi thế của các nước, các khu vực.

- Có sự chuyên dịch cơ cấu kinh tế tại các nước theo hướng phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ có hàm lượng công nghệ và tri thức cao, hướng tới phát triển xanh và bền vững

Tác động tiêu cực: Gia tăng sự phân hoá trình độ phát triển kinh tế và khoảng cách giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước.

3. Ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới

Ảnh hưởng tích cực

- Góp phần khai thác lợi thế cạnh tranh của từng quốc gia, tăng cường chuyên môn hoá và phân công lao động trên phạm vi quốc tế, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Thúc đẩy các nước cải cách kinh tế, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thể chế phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh,...

- Gia tăng các nguồn lực bên ngoài (vốn, lao động, công nghệ,...) cho phát triển kinh tế – xã hội.

Ảnh hưởng tiêu cực

Gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa các nước. Sự phát triển mạnh mẽ của các ngành kinh tế cũng là một nguyên nhân gây ra các vấn đề môi trường như phát thải khí nhà kính, ô nhiễm không khí, phá huỷ các hệ sinh thái và đa dạng sinh học tại các nước. Việc phân phối và tiêu dùng hàng hoá cũng đang tạo ra một vấn đề lớn về rác thải, đặc biệt rác thải nhựa.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV yêu cầu cả lớp phân biệt hệ quả tích cực và tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế

+ Tổ chức trò chơi: “Tiếp sức đồng đội” đề hoàn thiện nội dung ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS phân biệt hệ quả tích cực và tiêu cực dựa theo thông tin SGK và hiểu biết bản thân.

+ Các đội thực hiện trò chơi tiếp sức đồng đội trong khoảng thời gian quy định.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Sau khi HS phân biệt được hệ quả tích cực và tiêu cực, GV yêu cầu các đội nhanh chóng tiếp sức và hoàn thiện kết quả cho nội dung ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế.

+ Đội khác nhận xét, bổ sung, phân tích làm rõ nội dung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, phân tích, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về khu vực hoá kinh tế

a) Mục tiêu: HS trình bày được các biểu hiện, hệ quả và ý nghĩa khu vực hóa kinh tế, biết được nguyên nhân hình thành tổ chức liên kết kinh tế khu vực và nắm được một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. Khu vực hoá kinh tế.

Khu vực hoá kinh tế chính là quá trình liên kết và hợp tác kinh tế giữa các nước trong các khu vực trên thế giới trên cơ sở tương đồng về địa lí, văn hoá, xã hội hoặc có chung mục tiêu và lợi ích phát triển.

1. Biểu hiện của khu vực hoá kinh tế.

- Gia tăng số lượng và quy mô của các tổ chức khu vực trên thế giới.
- Hợp tác khu vực ngày càng đa dạng và phát triển; Liên kết kinh tế trong các khu vực ngày càng đa dạng tùy thuộc vào điều kiện và mục tiêu của các bên tham gia.

2. Hệ quả của khu vực hóa kinh tế

- Tạo lập một thị trường sản xuất và tiêu dùng rộng lớn, thúc đẩy đầu tư và thương mại nội khối cũng như tăng cường hợp tác, nâng cao trình độ khoa học – công nghệ trong khu vực.
- Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường ở các quốc gia, tạo cơ hội việc làm, thu hút các nhà đầu tư.
- Hình thành các rào cản thương mại (thuế, tiêu chuẩn chất lượng...) đối với những nước bên ngoài khu vực.

3. Ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới

- Khu vực hóa kinh tế giúp các nước trong khu vực có thể dễ dàng liên kết với nhau và rút ngắn khoảng cách đạt được mục tiêu phát triển kinh tế.
- Giúp các nước giải quyết các vấn đề chung của khu vực và nâng cao vị thế khu vực so với các khu vực khác trên thế giới.
- Làm tăng sức cạnh tranh của khu vực và khai thác được các lợi thế của các thành viên trong khu vực.
- Khu vực hoá kinh tế bổ sung cho toàn cầu hoá kinh tế và từng bước làm cho nền kinh tế thế giới trở thành một thể thống nhất.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm trao đổi, thảo luận hoàn thành nội dung phiếu học tập.

Khu vực hóa kinh tế	
Nhóm 1, 2: Biểu hiện	
Nhóm 3, 4: Hệ quả	
Nhóm 5, 6: Ý nghĩa	

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các nhóm nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành nội dung thảo luận trong 05 phút.
- + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + Các nhóm trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau
- + Đại diện một số nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1: Toàn cầu hóa kinh tế không có biểu hiện nào sau đây?

- A. Các dòng hàng hóa- dịch vụ, vốn, tri thức... ngày càng tự do di chuyển.
- B. Các giao dịch quốc tế về thương mại, đầu tư tài chính tăng nhanh.
- C. Gia tăng số lượng và quy mô của các tổ chức khu vực trên thế giới.
- D. Các tiêu chuẩn toàn cầu được áp dụng ngày càng rộng rãi.

Câu 2: Tổ chức thương mại thế giới WTO ra đời có vai trò lớn trong việc

- A. thúc đẩy tự do hóa thương mại.
- B. thúc đẩy hoạt động liên kết vùng.
- C. gắn kết hoạt động tín dụng quốc tế.
- D. tăng trưởng dịch vụ viễn thông.

Câu 3: Mặt trái nổi bật của toàn cầu hóa kinh tế là

- A. làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo.
- B. làm suy giảm quyền tự chủ về kinh tế của các quốc gia.
- C. làm gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường trên thế giới.
- D. tăng nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc ở nhiều quốc gia.

Câu 4: Các nước tham gia vào quá trình toàn cầu hóa để

- A. bảo vệ độc lập chủ quyền, an ninh quốc gia.
- B. thu hút vốn đầu tư trực tiếp và chuyển giao công nghệ.
- C. đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội bền vững.
- D. đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Câu 5: Động lực thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của các tổ chức liên kết kinh tế khu vực là

- A. tạo lập được một thị trường chung rộng lớn.
- B. sự tự do hoá thương mại giữa các nước thành viên.
- C. sự tự do hoá đầu tư dịch vụ trong phạm vi khu vực.
- D. sự hợp tác, cạnh tranh giữa các nước thành viên.

Câu 6: Một trong những cơ sở quan trọng để hình thành các tổ chức liên kết kinh tế khu vực là do

- A. có sức ép cạnh tranh giữa các nước.
- B. có chung mục tiêu và lợi ích phát triển.
- C. có những nét tương đồng về kinh tế.
- D. có những tương đồng về vị trí địa lí.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để sưu tầm thông tin về ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến kinh tế Việt Nam.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Sách, báo, Internet, Niên giám thông kê... và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

*** Câu hỏi: Suu tầm thông tin về ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến kinh tế Việt Nam.**

*** Hướng dẫn trả lời:**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang và sẽ thay đổi đáng kể như trên, tham gia tiến trình toàn cầu hóa, khu vực hóa, Việt Nam đứng trước một số cơ hội, thách thức chủ yếu đó là:

Những cơ hội phát triển

- Tham gia toàn cầu hóa, Việt Nam có điều kiện thuận lợi để tăng cường kết nối, thúc đẩy hợp tác và phát triển trong khu vực, phát triển kinh tế đất nước, nâng cao vị thế quốc gia.
- Tham gia tiến trình toàn cầu hóa, khu vực hóa một cách tích cực, chủ động cũng là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh quảng bá lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ Việt Nam ra thế giới; Đồng thời, Việt Nam cũng có cơ hội tham gia xử lý các vấn đề nhân đạo trên trường quốc tế; tham gia đấu tranh với các hiện tượng, hoạt động phi văn hóa, phản văn hóa, chống lại nhân loại...
- Cơ hội tiến nhanh, bắt kịp nhờ tận dụng động lực phát triển từ CMCN 4.0, và lợi thế từ các FTA mà Việt Nam đang và sẽ tham gia để đạt mục tiêu phát triển đất nước.
- Việc tích cực, chủ động tham gia toàn cầu hóa, khu vực hóa, hội nhập quốc tế, nhất là tham gia các FTA thế hệ mới còn tạo ra cơ hội quan trọng để Việt Nam đẩy mạnh cải cách thể chế, chuyển đổi mô hình phát triển.

Một số thách thức

- Thách thức “chọn bên” sẽ gia tăng trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung diễn ra gay gắt, xu hướng tách rời giữa hai nền kinh tế đang dần hình thành.
- Nguy cơ phân hóa nội bộ và suy giảm vai trò của ASEAN tác động tiêu cực đến Việt Nam.
- Thách thức về độc lập, tự chủ, nhất là trong lĩnh vực kinh tế.
- Gia tăng các thách thức về văn hóa.
- Việt Nam cũng đối mặt nguy cơ tụt hậu và các thách thức phát triển khi tiến trình hội nhập, tham gia toàn cầu hóa, khu vực hóa của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế được dự báo không thuận lợi.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt kiến thức có liên quan.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Thu thập các thông tin để viết báo cáo ngắn về những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế đối với các nước đang phát triển nói chung và VN nói riêng.

.....

BÀI 3. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VỀ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA TOÀN CẦU HOÁ VÀ KHU VỰC HÓA KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Suu tầm và hệ thống hoá được các tư liệu, số liệu về toàn cầu hoá, khu vực hoá.
- Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.
- Viết báo cáo về những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

2. Năng lực:

- Năng lực chung:

- + Giao tiếp và hợp tác: Có kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm hiệu quả.
- + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện ra vấn đề, đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với vấn đề.

- Năng lực đặc thù:

- + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Đọc được bản đồ để xác định được một số nước đang phát triển với những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.
- + Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, bản đồ, tranh ảnh...), khai thác internet trong học tập.
- + Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng địa lí đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy để viết và hoàn thiện báo cáo.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập.
- Yêu nước: Bồi dưỡng lòng yêu nước để trở thành một công dân tốt, có tinh thần phát triển đất nước trong tương lai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, nguồn tư liệu tham khảo trên các sách báo, tài liệu, các trang web có độ tin cậy cao của các tổ chức, cơ quan trên thế giới và Việt Nam.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định:

Ngày dạy	Lớp	Sĩ số	Ghi chú

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành thông qua đoạn video trình chiếu.

b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK, nội dung đoạn video liệt kê những cơ hội và thách thức của Việt Nam trong quá trình hội nhập. GV dẫn dắt vào bài báo cáo.

c) **Sản phẩm:** HS nêu đúng thời cơ và thách thức của Việt Nam trong quá trình hội nhập.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV quan sát đoạn video, xác định rõ yêu cầu cần thực hiện.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Viết báo cáo những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá và khu vực hóa đối với các nước đang phát triển.

a) **Mục tiêu:**

- Suu tầm và hệ thống hoá được các tư liệu, số liệu về toàn cầu hoá, khu vực hoá.

- Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

- Viết báo cáo về những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

b) **Nội dung:** HS quan sát hướng dẫn của giáo viên, để tìm hiểu nội dung kiến thức và viết báo cáo theo yêu cầu của gv.

c) **Sản phẩm:**

1. Thu thập thông tin

- Thông tin SGK.

- Thông tin từ các trang web tin cậy, sách báo, tài liệu liên quan

2. Đề xuất tên báo cáo

3. Viết dàn ý đại cương và chi tiết cho báo cáo

* Cơ hội của toàn cầu hóa với các nước đang phát triển:

- Tăng cường chuyên môn hoá và hợp tác hoá trong sản xuất, thúc đẩy phần công lao động, qua đó, lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ.

- Tự do hoá thương mại mở rộng, hàng rào thuế quan giữa các nước bị bãi bỏ hoặc giảm xuống, hàng hoá có điều kiện lưu thông rộng rãi.

- Tạo ra sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, công nghệ và tri thức. Hình thành và phát triển các mạng lưới, chuỗi liên kết toàn cầu nhằm tận dụng tối đa lợi thế của các nước, các khu vực.

- Có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại các nước theo hướng phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ có hàm lượng công nghệ và tri thức cao, hướng tới phát triển xanh và bền vững

- Thúc đẩy các nước cải cách kinh tế, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thể chế phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh,...

- Toàn cầu hoá tạo cơ hội để các nước thực hiện chủ trương đa phương hóa quan hệ quốc tế, chủ động khai thác các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của các nước khác.

- Trong bối cảnh toàn cầu hoá, các quốc gia trên thế giới có thể nhanh chóng đón đầu được công nghệ hiện đại, áp dụng ngay vào quá trình phát triển kinh tế – xã hội.

* Thách thức của toàn cầu hóa với các nước đang phát triển:

- Gia tăng sự phân hoá trình độ phát triển kinh tế và khoảng cách giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước.

- Gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa các nước. Bất kì biến động lớn nào về kinh tế trên thế giới cũng ảnh hưởng tới kinh tế của một quốc gia. Sự phát triển mạnh mẽ của các ngành kinh tế cũng là một nguyên nhân gây ra các vấn đề môi trường như phát thải khí nhà kính, ô nhiễm không khí, phá huỷ các hệ sinh thái và đa dạng sinh học tại các nước. Việc phân phối và tiêu dùng hàng hoá cũng đang tạo ra một vấn đề lớn về rác thải, đặc biệt rác thải nhựa

- Bị áp lực lớn trong cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm hàng hoá.

- Khoa học và công nghệ đã có tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống kinh tế thế giới. Muốn có sức cạnh tranh kinh tế mạnh, phải làm chủ được các ngành kinh tế mũi nhọn như điện tử - tin học, năng lượng nguyên tử, hoa dầu, công nghệ hàng không vũ trụ, công nghệ sinh học

- Các siêu cường kinh tế tìm cách áp đặt lối sống và nền văn hóa của mình đối với các nước khác. Các giá trị đạo đức của nhận loại được xây dựng hàng chục thế kỉ nay đang có nguy cơ bị xói mòn.

* **Cơ hội của khu vực hóa với các nước đang phát triển:**

- Tạo lập một thị trường sản xuất và tiêu dùng rộng lớn, thúc đẩy đầu tư và thương mại nội khối cũng như tăng cường hợp tác, nâng cao trình độ khoa học – công nghệ trong khu vực.

- Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường ở các quốc gia, tạo cơ hội việc làm, thu hút các nhà đầu tư.

- Khu vực hóa kinh tế giúp các nước trong khu vực có thể dễ dàng liên kết với nhau và rút ngắn khoảng cách đạt được mục tiêu phát triển kinh tế.

- Giúp các nước giải quyết các vấn đề chung của khu vực và nâng cao vị thế khu vực so với các khu vực khác trên thế giới.

- Làm tăng sức cạnh tranh của khu vực và khai thác được các lợi thế của các thành viên trong khu vực.

- Khu vực hoá kinh tế bổ sung cho toàn cầu hoá kinh tế và từng bước làm cho nền kinh tế thế giới trở thành một thể thống nhất.

* Thách thức của khu vực hóa với các nước đang phát triển:

- Hình thành các rào cản thương mại (thuế, tiêu chuẩn chất lượng....) đối với những nước bên ngoài khu vực.

- Xu hướng khu vực hóa đặt ra các vấn đề đòi hỏi các quốc gia phải quan tâm, giải quyết như: tự chủ về kinh tế, quyền lực quốc gia...

4. Viết báo cáo và lựa chọn cách trình bày

5. Tổ chức báo cáo kết quả

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với việc sưu tầm và hệ thống thông tin hóa các tư liệu, số liệu về toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế, tiến hành hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

Viết báo cáo: Tìm hiểu về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa và khu vực hóa đối với các nước đang phát triển. Ở mỗi vấn đề cho ví dụ minh họa.

+ **Nhóm 1,3:** *Viết báo cáo về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa với các nước đang phát triển.*

+ **Nhóm 2,4:** *Viết báo cáo về cơ hội và thách thức của khu vực hóa với các nước đang phát triển.*

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian quy định

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động theo tiêu chí:

Tiêu chí	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
1. Sưu tầm và hệ thống hóa các thông tin	Sưu tầm và hệ thống hóa tốt các thông tin.	Sưu tầm và hệ thống hóa khá tốt các thông tin.	Sưu tầm và hệ thống hóa được 1 số thông tin.	Sưu tầm và hệ thống hóa các thông tin chưa tốt.
2. Tên báo cáo	Ngắn gọn, xúc tích, hay, nêu bật được nội dung báo cáo.	Ngắn gọn, xúc tích, nêu bật được nội dung báo cáo.	Ngắn gọn, nêu bật được nội dung báo cáo.	Ngắn gọn. Chưa nêu bật được nội dung báo cáo.
3. Nội dung báo cáo	Rõ ràng, đầy đủ, đúng yêu cầu, có phong phú ví dụ minh họa.	Khá rõ ràng, đầy đủ, đúng yêu cầu, có 1 số ví dụ minh họa.	Rõ ràng, nhưng chưa đầy đủ, đúng yêu cầu, có rất ít ví dụ minh họa.	Chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng không có ví dụ minh họa.
4. Hình thức báo cáo.	Sáng tạo, thẩm mỹ, cấu trúc đẹp, đầu tư kỹ lưỡng.	Khá sáng tạo, thẩm mỹ, cấu trúc khá đẹp, có sự đầu tư .	Có sáng tạo, thẩm mỹ, cấu trúc tương đối hài hòa, có sự đầu tư.	Chưa sáng tạo, thiếu thẩm mỹ, cấu trúc sơ sài, thiếu đầu tư.

5. Cách trình bày báo cáo	Giọng nói lưu loát, thuyết trình mạch lạc, thu hút sự tham gia của người nghe. Trình bày đúng thời gian quy định.	Giọng nói khá lưu loát, thuyết trình khá mạch lạc, thu hút sự tham gia của người nghe. Trình bày đúng thời gian quy định.	Giọng nói tương đối tốt, thuyết trình được, chưa thu hút sự tham gia của người nghe. Trình bày đúng thời gian quy định.	Giọng nói chưa tốt, thuyết trình chưa tự tin, chưa thu hút sự tham gia của người nghe. Trình bày không đúng thời gian quy định.
---------------------------	---	---	---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

Câu hỏi 1 : Quá trình toàn cầu hóa đã tạo ra thời cơ gì đối với các nước đang phát triển?

- A. Đón đầu công nghệ hiện đại.
- B. Thúc đẩy mở cửa thị trường.
- C. Tạo thành một khối thống nhất.
- D. Nâng cao vị thế trong khu vực.

Câu hỏi 2: Một trong những thách thức trong quá trình toàn cầu hóa ở các nước đang phát triển là

- A. Hình thành các rào cản thương mại.
- B. Mất quyền tự chủ ở các quốc gia.
- C. gia tăng khoảng cách giàu nghèo.
- D. Quyền lực quốc gia bị suy giảm.

Câu hỏi 3: Khu vực hóa kinh tế đã tạo ra thời cơ gì đối với các nước đang phát triển?

- A. Nâng cao vị thế của các quốc gia.
- B. Góp phần chuyển dịch kinh tế.
- C. Đa phương hóa trong quan hệ quốc tế.
- D. Đón đầu công nghệ hiện đại.

Câu hỏi 4: Một trong những thách thức của khu vực hóa kinh tế ở các nước đang phát triển là

- A. gia tăng khoảng cách giàu nghèo.
- B. sức ép về cạnh tranh ngày càng lớn.
- C. các giá trị đạo đức dần bị xói mòn.
- D. quyền lực quốc gia bị suy giảm.

Câu hỏi 5: Toàn cầu hóa và khu vực hóa là xu hướng tất yếu, dẫn đến

- A. sự liên kết giữa các nước phát triển với nhau.
- B. sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.
- C. các nước đang phát triển gặp nhiều khó khăn.
- D. ít phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.

Câu hỏi 6: Một trong những thời cơ của Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay là

- A. dễ dàng hợp tác với tất cả các quốc gia.
- B. tiếp thu tất cả văn hóa trên thế giới.
- C. thuận lợi phát triển nền kinh tế tri thức.
- D. thu hút được vốn đầu tư nước ngoài.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học để giải thích được những thuận lợi và khó khăn của Việt Nam khi mở cửa hội nhập.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

HS hoàn thành câu hỏi: *Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì khi mở cửa hội nhập?*

* Gợi ý trả lời:

- Thuận lợi:

- + Vị trí thuận lợi để giao lưu kinh tế, văn hóa với các nước.
- + Điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên phong phú.
- + Có lực lượng lao động dồi dào, chất lượng lao động ngày càng tăng.
- + Đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao với các nước.

- Khó khăn:

+ Xuất phát điểm thấp: Thiếu vốn, cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, lại chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh.

+ Thu nhập bình quân đầu người thấp.

+ Sức ép về dân số.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng cách nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài thông qua các báo cáo.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Hoàn thiện bài báo cáo vào vở thực hành.
- Chuẩn bị trước bài mới.

.....

BÀI 4. MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC, AN NINH TOÀN CẦU.

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực hình thành

- Năng lực chung: năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.
- Năng lực chuyên biệt: xử lý thông tin qua bảng biểu, đọc bản đồ - tranh ảnh, tổng hợp tư duy theo lãnh thổ, liên hệ thực tế.

2. Phẩm chất.

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu các nội dung kiến thức liên quan bài học.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Giáo viên

- Bản đồ thế giới.
- Phiếu học tập, bảng biểu, sơ đồ.
- Vi deo, tranh ảnh.

2. Học sinh

- Suu tầm tư liệu và hình ảnh về hoạt động của nước ta khi tham gia các tổ chức liên kết về kinh tế.
- Giấy A4 + A3, bút màu.
- Đọc trước bài học ở nhà.
- Bút màu, giấy note

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

A. Tình huống xuất phát.

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nét khái quát về toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.

2. Nội dung

- Kỹ thuật: trò chơi
- Hình thức: nhóm - cá nhân.

3. Sản phẩm.

4. Tổ chức thực hiện

- **Bước 1:** GV yêu cầu HS, kể tên một số tổ chức liên kết trên thế giới mà Việt Nam tham gia.
- **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân trong vòng 3 phút.
- **Bước 3:** Gv gọi ngẫu nhiên một HS ở một nhóm bất kỳ trả lời, mỗi lần chỉ được nêu tên một tổ chức, bổ sung theo vòng tròn, không lặp đáp án, nhóm có nhiều đáp án nhất có thưởng.
- **Bước 4:** GV dẫn dắt để HS có thể phát biểu được một số tổ chức Quốc tế và khu vực

Trong điều kiện quốc tế ngày nay khi quá trình hội nhập ngày càng được xúc tiến nhanh, ngoại giao đa phương ngày càng giữ một vị trí quan trọng, góp phần nâng cao vị thế quốc tế của đất nước trên thế giới.

Cho đến nay, Việt Nam là thành viên của 63 tổ chức quốc tế và có quan hệ với hơn 500 tổ chức phi chính phủ trên thế giới. Việt Nam đã hoạt động tích cực với vai trò ngày càng tăng tại Liên hợp quốc (ủy viên ECOSOC, ủy viên Hội đồng chấp hành UNDP, UNFPA và UPU...), phát huy vai trò thành viên tích cực của phong trào Không liên kết, Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp, ASEAN ... Có thể nói ngoại giao đa phương là một điểm sáng trong hoạt động ngoại giao thời đổi mới. Những kết quả đạt được trong mỗi quan hệ đan xen này đã củng cố và nâng cao vị thế quốc tế của đất nước, tạo ra thể cơ động linh hoạt trong quan hệ quốc tế, có lợi cho việc bảo vệ độc lập tự chủ và an ninh cũng như công cuộc xây dựng đất nước

Tại đây, bạn có thể tìm hiểu thông tin về các tổ chức quốc tế và quan hệ giữa Việt Nam với một số tổ chức này.

(Nguồn Bộ Ngoại giao)

THAM GIA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ	
<ul style="list-style-type: none"> ▪ APEC ▪ ASEM ▪ Cộng đồng Pháp ngữ ▪ Không liên kết 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Liên Hợp Quốc ▪ ASEAN ▪ WTO ▪ UNESCO

Bước 5: GV chuẩn kiến thức và vào bài.

B. Hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG 1: MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC. (20 phút)

(Đọc thêm: <https://tinyurl.com/y6eptked>)

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

+ Trình bày được quá trình hình thành và mục tiêu của một số tổ chức quốc tế và khu vực.
 + Phân tích (đánh giá, nhận xét) những ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta. (*thông qua Việt Nam gia nhập WTO, là thành viên của APEC, các dòng đầu tư vào Việt Nam ngày càng tăng, sự hỗ trợ của các tổ chức ngân hàng trên thế giới...*).

- Kỹ năng: Làm việc nhóm, giải quyết vấn đề.

2. Phương pháp/kỹ thuật dạy học

- Kỹ thuật: Đọc tích cực, khăn trải bàn.

- Hình thức: Hoạt động cặp đôi.

3. Phương tiện: tranh ảnh, tư liệu, clip một số tổ chức Quốc tế và khu vực trên thế giới.

4. Tiến trình hoạt động

- **Bước 1:** GV chia lớp thành 4 nhóm (hoặc 8 nhóm tùy sĩ số) yêu cầu các nhóm quan sát **mục I**. (SGK/trang 14), khai thác SGK, dựa vào kiến thức đã học, hiểu biết thực tế, hoàn thành phiếu học tập của các nhóm theo các nội dung:

Tổ chức Quốc tế và khu vực	Tôn chỉ hoạt động	Số thành viên	Mục tiêu hoạt động.
Liên Hợp Quốc			

Tổ chức Quốc tế và khu vực	Tôn chỉ hoạt động	Số thành viên	Mục tiêu hoạt động.
Tổ chức thương mại Thế giới.			

Tổ chức Quốc tế và khu vực	Tôn chỉ hoạt động	Số thành viên	Mục tiêu hoạt động.
Quỹ tiền tệ Quốc tế			

Tổ chức Quốc tế và khu vực	Tôn chỉ hoạt động	Số thành viên	Mục tiêu hoạt động.
Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á-TBD.			

- **Bước 2:** HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ, trao đổi với bạn bè để hoàn thành phiếu học tập trong thời gian 5 phút. GV quan sát và hỗ trợ HS.

- **Bước 3:** HS các nhóm báo cáo kết quả.

+ GV cho các nhóm bốc thăm lựa chọn nội dung trình bày.

+ GV gọi ngẫu nhiên học sinh lên trình bày nội dung vừa bốc thăm.

+ HS trao đổi và bổ sung từng nội dung.

- **Bước 4:** GV chuẩn kiến thức.

- **Bước 5:** GV đặt thêm câu hỏi để mở rộng thêm vấn đề cho học sinh” *Liệt kê những lợi ích Việt Nam đạt được khi tham gia tổ chức WTO*” theo **kĩ thuật trình bày 1 phút**.

- **Bước 6:** HS làm việc cá nhân trong thời gian 2 phút.

- **Bước 7:** GV rút thăm ngẫu nhiên cá nhân trình bày, gọi ngẫu nhiên HS khác nhận xét. GV ghi nhanh các lợi ích lên bảng.

- **Bước 8:** GV chuẩn kiến thức cho học sinh.

Tổ chức Quốc tế và khu vực	Tôn chỉ hoạt động	Số thành viên	Mục tiêu hoạt động.
Liên Hợp Quốc	Đảm bảo một nền hòa bình và trật tự thế giới bền vững.	193 (2021)	-Duy trì hòa bình an ninh Quốc tế. -Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các Quốc gia. - Thực hiện hợp tác Quốc tế thông qua giải quyết các vấn đề.
Tổ chức Thương mại Thế giới.	Thiết lập và duy trì một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch.	164 (2021)	-Thúc đẩy tăng trưởng thương mại hàng hóa và dịch vụ. - Thúc đẩy phát triển các thể chế thị trường, giải quyết các bất đồng và tranh chấp thương mại. - Nâng cao mức sống, tạo việc làm...

Quỹ tiền tệ Quốc tế	Thúc đẩy hợp tác tiền tệ, đảm bảo ổn định tài chính, tăng trưởng kinh tế bền vững.	190 (2021)	<ul style="list-style-type: none"> -Thúc đẩy hợp tác tiền tệ Quốc tế, tăng trưởng KT... - Đảm bảo ổn định hệ thống tiền tệ Quốc tế, hệ thống thanh toán toàn cầu...
Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á- Thái Bình Dương	Thúc đẩy tự do thương mại, đầu tư và mở cửa trong khu vực Châu Á- TBD.	21	<ul style="list-style-type: none"> -Giữ vững sự tăng trưởng và phát triển trong khu vực. - Tăng cường hệ thống đa phương hóa. - Phát huy tác động tích cực của sự phụ thuộc kinh tế lẫn nhau ngày càng tăng.

HOẠT ĐỘNG 2. TÌM HIỂU VỀ AN NINH TOÀN CẦU VÀ BẢO VỆ HÒA BÌNH TRÊN THẾ GIỚI.

1. Mục tiêu

- Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.
- Đề xuất các giải pháp phát triển an ninh mạng toàn cầu và bảo vệ hòa bình trên thế giới.

2. Nội dung.

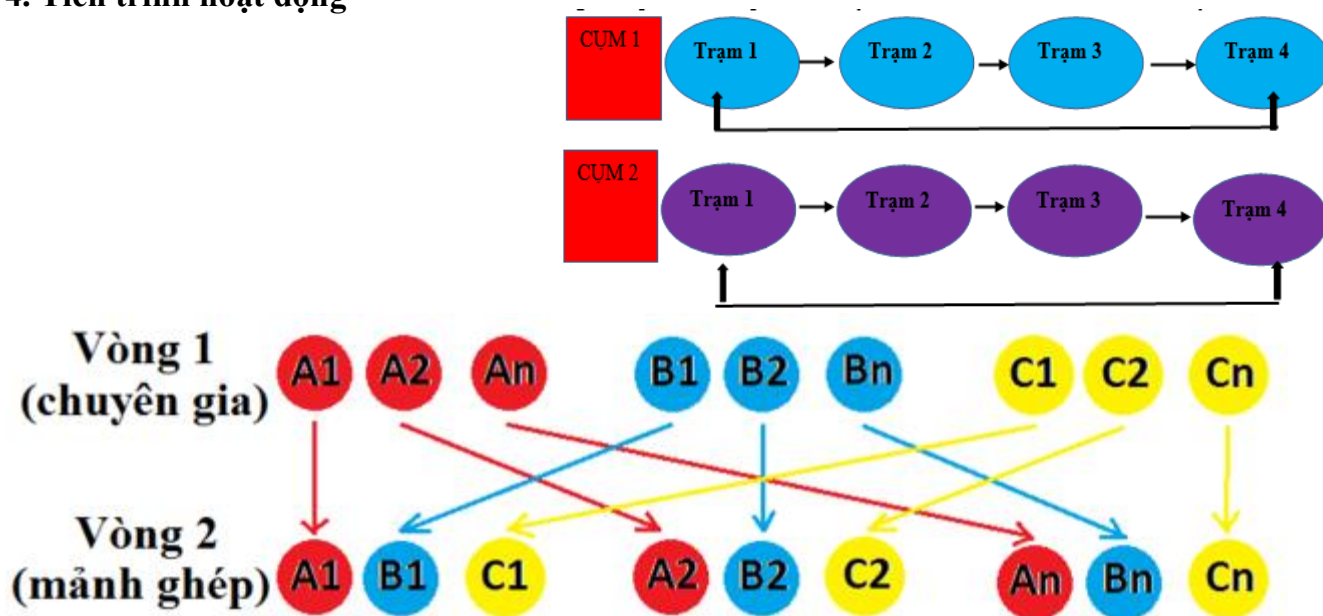
- Hoạt động nhóm chuyên gia - mảnh ghép – trạm và phòng tranh

3. Sản phẩm.

NỘI DUNG		
Vấn đề môi trường	Vai trò.	Giải pháp .
1. An ninh lương thực.	<ul style="list-style-type: none"> -Đảm bảo mọi người có quyền tiếp cận nguồn lương thực đầy đủ, an toàn. - Là vấn đề trọng yếu của các Quốc gia. - Góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và làm tiền đề ổn định chính trị xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp lương thực và cứu trợ nhân đạo cho những khu vực mất an ninh LT. - Đẩy mạnh sản xuất lương thực. - Nâng cao vai trò của các tổ chức quốc tế.
2. An ninh năng lượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo đầy đủ năng lượng. - Phục vụ nhu cầu của con người và các hoạt động KT_XH. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo. - Khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên. - Phối hợp giải quyết các vấn đề về năng lượng. - Tăng cường vai trò của các tổ chức Quốc tế.
3. An ninh nguồn nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo số lượng, chất lượng nước phục vụ nhân dân. - Đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động kinh tế. - Đảm bảo được khả năng ứng phó hiệu quả với các thảm họa... 	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp, nghiên cứu thảo luận các giải pháp . - Chủ động bảo vệ nguồn nước.

4. An ninh mạng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo hoạt động trên không gian mạng, không gây hại đến an ninh Quốc gia. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành chiến lược an ninh mạng, luật an ninh mạng.... - Phối hợp chặt chẽ trong phòng chống tấn công mạng, tội phạm mạng.
-------------------------	---	--

4. Tiến trình hoạt động



- **Bước 1:** GV chia lớp thành 8 nhóm, 2 cụm – mỗi cụm là 4 nhóm. 2 nhóm thảo luận chung một chủ đề.

* Vòng một: Nhóm chuyên gia (10 phút)

GV hướng dẫn các nhóm căn cứ nội dung SGK, tư liệu đã chuẩn bị, thông tin Internet..., thảo luận là trình bày các đặc điểm và đưa ra những nhận xét cần thiết. (*cắt ngang các nội dung*)

- + Nhóm 1: An ninh lương thực
- + Nhóm 2: An ninh năng lượng
- + Nhóm 3: An ninh nguồn nước.
- + Nhóm 4: An ninh mạng.

- **Bước 2:**

* Vòng hai: tạo nhóm mảnh ghép (15 giây)

+ Từ các nhóm chuyên gia GV yêu cầu HS đổi vị trí, hình thành các nhóm mảnh ghép mới. (*kết đọc các nội dung*)

+ Dán sản phẩm các nhóm lên tường, cách đều nhau thuận tiện (Nếu chật thì để trên bàn để khi thực hiện chỉ cần di chuyển sản phẩm)

+ Nhóm ghép đi đến các số vị trí tương ứng để chuẩn bị thuyết trình (ở tại chỗ nếu lớp chật >>> sản phẩm sẽ di chuyển)

- **Bước 4:** (12 phút)

Các chuyên gia trình bày nội dung mình phụ trách, nghe nhận xét, phản biện từ chuyên gia khác. HS ghi bài theo PHT và ghi ý kiến vào SP.

HS đánh giá bạn thuyết trình theo các tiêu chí đơn giản:

- + Nội dung trình bày
- + Phong cách thuyết trình

+ Bộ cục, màu sắc sản phẩm nhóm
 Mỗi trạm có 3 phút trình bày – hỏi đáp
 Hết giờ chuyển trạm trong 30s

NỘI DUNG		
Vấn đề môi trường	Vai trò.	Giải pháp .
1. An ninh lương thực.		
2. An ninh năng lượng.		
3. An ninh nguồn nước.		
4. An ninh mạng.		

- **Bước 5:** HS về chỗ ổn định để đánh giá
- **Bước 4:** Đánh giá chuyên gia và không chuyên gia
- + Giáo viên kiểm tra, đánh giá các chuyên gia bằng cách hỏi các bạn được truyền tải lại kiến thức vừa rồi.
- + Sau đó cho điểm hoạt động chuyên gia. Mỗi cụm gọi ít nhất 3 người.
- Các câu hỏi ngắn gọn hoặc làm 1 bài trắc nghiệm trong 5p
- **Bước 5:** Giáo viên chốt kiến thức. Nhấn mạnh các trọng tâm và liên hệ VN

HOẠT ĐỘNG 3: SỰ CẦN THIẾT BẢO VỆ HÒA BÌNH TRÊN THẾ GIỚI.

1. Mục tiêu

- Lay động lòng trắc ẩn, cảm xúc của HS
- Hình thành các kiến thức ban đầu về khu vực “**Điểm nóng**” của thế giới
- Rèn luyện kỹ năng quan sát và phân tích qua clip

2. Nội dung

- Đặt vấn đề. Hoạt động cả lớp.
- **Clip “Cho em tuổi thơ, cho em hòa bình”**
<https://www.youtube.com/watch?v=Lq6eOyTo5gc>

3. Sản phẩm:

Bộ các câu hỏi về cần thiết phải bảo vệ hòa bình trên thế giới.

- ? Hòa bình là gì?
- ? Vai trò của bảo vệ hòa bình?
- ?Biện pháp để bảo vệ hòa bình?

4. Tiến trình hoạt động

- **Bước 1:** Phát PHT/chiếu câu hỏi định hướng trước khi xem clip
- + *Vấn đề nào đang diễn ra qua phần trình bày của bé?*
- + *Vấn đề đó đang diễn ra ở đâu? Quốc gia nào? Khu vực nào?*
- + *Nguyên nhân do đâu mà vấn đề đó diễn ra?*
- **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ trong 1 phút
- **Bước 3:** HS trình bày chia sẻ theo hình thức xung phong, nêu quan điểm bản thân, chia sẻ cảm xúc
- **Bước 4:** Hs nghiên cứu sgk và trả lời nhanh các câu hỏi.
- ? Hòa bình là gì?
- ? Vai trò của bảo vệ hòa bình?
- ?Biện pháp để bảo vệ hòa bình?
- **Bước 5:** GV cung cấp sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình trên thế giới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

THIẾT KẾ KHẨU HIỆU TUYÊN TRUYỀN (10 phút)

1. Mục tiêu

- Thiết kế khẩu hiệu phản ánh nội dung nhóm đã thảo luận và trình bày.

- Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác và ngôn ngữ
- Hình thành thái độ làm việc trách nhiệm, chuyên nghiệp và nâng cao nhận thức về môi trường

2. Nội dung

- Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm:

- Các khẩu hiệu về An ninh toàn cầu và bảo vệ hòa bình trên thế giới.

4. Tiến trình hoạt động:

Bước 1: HS nêu yêu cầu và tiêu chí đánh giá

- Thiết kế khẩu hiệu tuyên truyền
- Có hình ảnh/icon nhằm tăng hiệu ứng
- Khẩu hiệu có vần điệu, dài không quá 20 tiếng
- Thiết kế trên 1 mặt giấy A4
- Nhóm đọc to đồng thanh sau khi thuyết trình 30s

Bước 2: HS nhận nhiệm vụ thiết kế, tập dượt

Bước 3: HS từng nhóm lên hoặc đứng tại chỗ thuyết trình trong 30s nhằm giới thiệu thông điệp và đọc đồng thanh

Bước 4: GV cho HS đánh giá sản phẩm qua menti.com hoặc cho biểu quyết bình chọn.

Bước 5 GV đánh giá chung, khen ngợi nhóm làm việc

D. VẬN DỤNG.

(Có thể về nhà hoàn thành)

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Phân tích được vai trò của các tổ chức WTO, APEC tới sự phát triển kinh tế của VN
- Kỹ năng: giải quyết vấn đề.

2. Nội dung: hoạt động nhóm

3. Sản phẩm:

3. Tiến trình hoạt động:

- **Bước 1:** GV yêu cầu HS trả lời nội dung:
 - + Liệt kê những vai trò của WTO, APEC đến sự thay đổi của nền KT Việt Nam?
 - ++ Trách nhiệm của HS với xây dựng đất nước trong thời kì hội nhập là gì?
- **Bước 2:** HS nhận nhiệm vụ, HS trao đổi và phát biểu nhanh ý kiến.
- **Bước 3:** GV nhận xét.

- Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới, mở rộng qua hệ hợp tác với các nước trên thế giới

- Nước ta đã bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ
- Đã tham gia và các tổ chức liên kết khu vực và quốc tế
- Thu hút đầu tư nước ngoài
- Ngoại thương phát triển ở tầm cao mới
- Hợp tác quốc tế trong nhiều lĩnh vực

- **Bước 4:** Đọc bài 1, trang 19 Sgk ở nhà.

V. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn: 25./09/2023

Tiết PPCT:8

BÀI 5. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ ĐẶC ĐIỂM VÀ BIỂU HIỆN CỦA NỀN KINH TẾ TRI THỨC

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực hình thành

a. Năng lực Địa lí

- *Nhận thức khoa học Địa Lí*
- Thu thập tài liệu về nền kinh tế tri thức
- Trao đổi, thảo luận và viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

- *Năng lực tìm hiểu Địa Lí*: xử lí thông tin qua bảng biểu, đọc bản đồ - tranh ảnh, tổng hợp tư duy theo lãnh thổ, liên hệ thực tế.

b. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:
 - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
 - + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

Thông qua trao đổi, thảo luận, hợp tác để phân biệt một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, ứng dụng của GPS, bản đồ số trong học tập và đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên. Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Trung thực: trong học tập và cuộc sống.

- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu:

- Dụng cụ học tập để xử lí số liệu
- Thu thập tư liệu qua internet, sách, báo, tạp chí,.. để tìm hiểu thông tin về nền kinh tế tri thức

- So sánh, chọn lọc tư liệu thu thập được từ các nguồn khác nhau nhằm phục vụ nội dung báo cáo.

- Xây dựng đề cương báo cáo.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu

Tạo hứng thú, kích thích khả năng khám phá cho học sinh.

b. Nội dung: HS tham khảo các nội dung thông tin để nắm bắt được những đặc điểm về nền kinh tế tri thức

c. Sản phẩm: Khái quát những ý chính từ nội dung thông tin được chia sẻ

d. Tổ chức thực hiện

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia HS thành 6 nhóm (2 bàn 1 nhóm)

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

Kinh tế tri thức (tiếng anh: Knowledge Economy) là nền kinh tế phát triển dựa trên sức mạnh của tri thức để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của kinh tế. Bao gồm các hoạt động chuyển giao, cải tiến, nghiên cứu các công nghệ với mục đích tạo ra nhiều của cải vật chất, nâng cao chất lượng sống của người dân.

Ngân hàng Thế giới đánh giá “Đối với các nền kinh tế tiên phong trong nền kinh tế Thế giới, cán cân giữa hai yếu tố tri thức và các nguồn lực đang nghiêng về tri thức. Tri thức thực sự đã trở thành yếu tố quan trọng nhất quyết định mức sống – hơn cả yếu tố đất đai, hơn cả yếu tố tư liệu sản xuất, hơn cả yếu tố lao động. Các nền kinh tế phát triển nhất về công nghệ ngày nay thực sự đã dựa vào tri thức”.

1. Tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp

Tri thức là nguồn lực quan trọng nhất, đóng vai trò đầu tàu trong nền kinh tế dựa vào tri thức. Tri thức phải được áp dụng vào sản xuất của cải vật chất, là động lực phát triển nền kinh tế. Chính vì vậy đòi hỏi lực lượng lao động có chất xám, kỹ thuật, tay nghề, được đào tạo bài bản ngày càng cao.

2. Nền kinh tế tri thức dựa trên khoa học công nghệ

Trong nền kinh tế công nghiệp thì sức cạnh tranh phần lớn dựa trên việc tối ưu hóa và hoàn thiện các công nghệ sẵn có. Thì, nền kinh tế tri thức phải dựa trên việc nghiên cứu, sáng tạo, chế tạo ra công nghệ mới.

3. Cơ cấu lao động chuyển dịch

Trong nền kinh tế tri thức thì lao động trí tuệ tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị càng cao trong thời gian càng ngắn. Cơ cấu lao động sẽ phải chuyển dịch từ lao động có trình độ thấp quen với công việc chân tay hoặc thiếu đổi mới sang lao động trí tuệ.

4. Coi trọng quyền sở hữu trí tuệ

Trong nền kinh tế tri thức thì quyền sở hữu trí tuệ là sự đảm bảo pháp lý cho tri thức, từ đó sự sáng tạo mới được coi trọng, duy trì và tiếp tục sáng tạo. Năng lực đổi mới và nguồn lực trí tuệ được xem là yếu tố then chốt để nâng cao tính cạnh tranh, tiềm năng phát triển và sự thịnh vượng của một Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ.

5. Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế toàn cầu

Nền kinh tế tri thức chỉ được hình thành và phát triển thực sự khi lực lượng lao động có trình độ cao, phân công lao động mang tính quốc tế và hệ thống sản xuất kết nối giữa các doanh nghiệp đến từ nhiều quốc gia.

Các quốc gia sẽ luôn có gắng tạo ra các công dân toàn cầu, có thể làm việc ở bất cứ nước nào có cùng trình độ, cần đến kinh tế tri thức và tiến tới toàn cầu hóa thật sự.

Tiêu chí	Kinh tế sơ khai	Kinh tế công nghiệp	Kinh tế tri thức
Đầu vào của sản xuất	Lao động, đất đai, vốn	Lao động, đất đai, vốn, công nghệ thiết bị	Lao động, đất đai, vốn, công nghệ thiết bị, tri thức, thông tin
Đầu ra của sản xuất	Lương thực	Của cải, hàng hóa, tiêu dùng, xí nghiệp, nền công nghiệp	Sản phẩm công nghiệp với công nghệ hiện tại, tri thức, vốn tri thức
Cơ cấu xã hội	Nông dân	Công nhân	Công nhân tri thức
Tỉ lệ đóng góp của KHCN	<10%	>30%	>80%
Đầu tư cho giáo dục	<1%GDP	2-4% GDP	8-10% GDP
Tầm quang trọng của giáo dục	Nhỏ	Lớn	Rất lớn

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV sẽ tổng kết, dẫn dắt vào bài.

2.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Thực hành

a) **Mục tiêu:** HS viết được báo cáo về đặc điểm biểu hiện của nền kinh tế tri thức

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

1. Thu thập thông tin

- Thông tin SGK.
- Thông tin do GV cung cấp
- Thông tin do HS tự thu thập trên internet

2. Đề xuất tên báo cáo

3. Viết dàn ý đại cương và chi tiết cho báo cáo

Đề cương phải đảm bảo các ý chính sau:

- * Khái niệm: + Tri thức
+ Nền kinh tế tri thức
- * Đặc điểm của nền kinh tế tri thức
- * Biểu hiện của nền kinh tế tri thức

4. Viết toàn báo cáo

5. Trình bày trước lớp

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

- + Các nhóm xác định các nguồn thông tin có thể sử dụng để viết báo cáo.
- + Xác định tên báo cáo của mình: Tên báo cáo ngắn gọn, phù hợp với nội dung.
- + Các nhóm viết đề cương sau đó hoàn thiện.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

1. Khái niệm

- Tri thức:

+ Có nhiều định nghĩa về tri thức, theo Becerra tri thức là “sự giải mã về một mối quan hệ giữa các khái niệm có liên quan đến những lĩnh vực cụ thể, tri thức là tài sản vô giá và là nền tảng lợi thế cạnh tranh của một tổ chức.

+ Theo định nghĩa của World Bank, kinh tế tri thức là: “nền kinh tế dựa vào tri thức như động lực chính cho sự tăng trưởng kinh tế”

- Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế sử dụng hiệu quả tri thức cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đặc điểm của nền kinh tế tri thức

- Tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp, là nguồn vốn cơ bản có vai trò quyết định của sản xuất

- Sản xuất công nghệ là hình thức sản xuất quan trọng nhất, tiêu biểu nhất

- Lao động tri thức chiếm tỉ trọng cao trong sản xuất

- Kinh tế tri thức là hệ quả tất yếu của toàn cầu hóa

3. Biểu hiện nền kinh tế tri thức

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh nhờ áp dụng nguyên liệu và năng lượng tự nhiên nên tạo ra những sản phẩm sạch và không gây ô nhiễm môi trường. Từ đó tạo tiền đề phát triển bền vững.

+ Sản xuất sản phẩm theo nhu cầu tiêu dùng, luôn luôn có sự cân bằng giữa cung và cầu, hạn chế hàng tồn kho.

+ Cái mới luôn được sáng tạo liên tục chứ không phải từ cái cũ phát triển lên.

+ Quá trình nghiên cứu, sáng tạo của con người luôn không ngừng được thực đẩy, phát triển ra kỹ thuật công nghệ hiện đại.

+ Có sự ứng dụng công nghệ thực tế - ảo trong các hoạt động như học tập, thiết kế, xây dựng, kiến trúc, thực nghiệm khoa học,... giúp tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền bạc, đồng thời nâng cao năng suất lao động.

Hoạt động 3. Viết báo cáo

a. Nội dung

- Xây dựng đề cương chi tiết.
- Viết báo cáo theo đề cương

b. Sản phẩm

- Báo cáo hoàn chỉnh về đặc điểm và biểu hiện của nền kinh tế tri thức (Ưu tiên báo cáo bằng word, Powerpoint)
- Trình bày báo cáo

c. Tổ chức thực hiện: GV gọi 1 số HS đọc báo cáo tại lớp để cùng thảo luận, nhận xét. Các bài khác, GV thu về chấm

4. Củng cố, dặn dò

GV củng cố bài học nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà

Chuẩn bị bài mới.